TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:33 /2018/HS-ST
Ngày 13 - 3- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Văn An.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Thi và bà Nguyễn Thị Huê.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Đỗ Xuân Lập - Thư ký của Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà*:** Ông Vũ Bá Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố (Sau đây viết tắt là: TP) Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2018 (Sau đây viết tắt là: 13/02/2018) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2018, đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1988 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường T, TP P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Trần Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 13/02/2007 Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Hà Nam xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "*Cố ý gây thương tích*"; ngày 31/01/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP P, tỉnh Hà Nam ra Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, thời gian 24 tháng; ngày 17/12/2015 Công an TP P, tỉnh Hà Nam xử phạt hành chính về hành vi "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"; ngày 07/11/2016 Công an phường T, TP P xử phạt hành chính về hành vi "*Sử dụng trái phép chất ma túy*; bị tạm giữ từ ngày 16/12/2017 và chuyển tạm giam từ ngày 22/12/2017 đến nay*; có mặt.*

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/ Anh Lê Thế A, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam; *vắng mặt.*

2/ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số nhà 19, tổ 4, phường L, TP P, tỉnh Hà Nam; *vắng mặt.*

*** Người tham gia tố tụng khác:**

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Thế O; *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 16/12/2017, Lê Thế A rủ bạn là anh Nguyễn Thế O đi chơi, anh O đồng ý. Sau đó, Thế A mượn điện thoại (một người lái xe ôm) gọi vào số 0913.790.853 của người phụ nữ tên N để hỏi mua ma túy. Thế A nói "*Chị N à, em Tài đây, chị để cho em cái năm*", N đồng ý hẹn Thế A đến gần nhà nghỉ Sapa (thuộc tổ 3, phường L, TP P). Thế A và anh O thuê xe ôm đi đến nhà nghỉ Sapa, Thế A mượn điện thoại của người xe ôm gọi cho N thông báo đã đến chỗ hẹn thì Nga bảo chờ rồi Thế A trả điện thoại và tiền cho người lái xe ôm, người này cầm tiền bỏ đi. Lúc này, Phạm Văn T đang điều khiển xe mô tô BKS 90F5-3033 đến khu vực cầu Phủ Lý thì nhận được điện thoại của N. T khai: N nói "*Còn hàng không*", T nói "*Còn, lấy bao nhiêu*", N nói "*Lấy cho năm trăm*", T hỏi lại "*Mang ra đâu*", N nói "*Mang ra gần nhà nghỉ Sapa*" rồi tắt máy. Sau đó ,T điều khiển xe mô tô đi về gần nhà ở tổ Đ, phường T, TP P thì dừng xe máy đi đến bụi cây ven đường lấy ra 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất màu trắng dạng tinh thể, T cất giấu từ trước bỏ vào vỏ bánh Chocopie nhặt ở ven đường cho vào túi quần phía trước bên trái đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi đến khu vực nhà nghỉ Sapa. Thấy T đi đến, Thế A đưa cho T số tiền 500.000đ, T cầm tiền rồi đưa Thế A vỏ bánh Chocopie. Biết bên trong có ma túy, Thế A cầm cất vào túi áo phía trước bên phải đang mặc thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Hà Nam phát hiện bắt quả tang.

Thu giữ vật chứng, tài sản gồm:

- Thu giữ của Phạm Văn T:

+ Số tiền 500.000đ niêm phong trong phong bì ký hiệu QT01.

+ Thu trong túi quần phía trước bên phải số tiền 50.000đ niêm phong trong phong bì ký hiệu QT02; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung niêm phong trong phong bì ký hiệu QT03 và 01 xe mô tô BKS: 90F5-3033.

- Thu giữ của Lê Thế A: Thu trong túi áo phía trước bên phải 01 túi nilon màu trắng bên trong có các hạt tinh thể màu trắng gói ngoài bằng vỏ hộp giấy màu đỏ niêm phong trong phong bì ký hiệu QT04; 04 tờ vé xổ số lô tô Hà Nam niêm phong trong phong bì ký hiệu QT05.

*Tại bản kết luận giám định số 222/PC54-MT ngày 18/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: "*Chất tinh thể màu trắng trong mẫu ký hiệu QT04 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, trọng lượng 0,093gam*".

*Khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Phạm Văn T: không thu giữ đồ vật, tài sản gì liên quan đến vụ án.

* Bản cáo trạng số 36/CT-VKS-PL ngày 12/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã truy tố Phạm Văn T về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

** Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam luận tội: giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng, không có ý kiến thay đổi hay bổ sung gì. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là: HĐXX): Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo từ 36 đến 42 tháng tù; Áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ; đồng thời đề xuất hướng xử lý vật chứng hiện đang thu giữ..

- Bị cáo Phạm Văn T hoàn toàn thừa nhận và khai báo toàn bộ động cơ, mục đích cũng như diễn biến hành vi bán trái phép ma túy đã thực hiện trong ngày 16/12/2017 đúng như nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời không có ý kiến gì đối với các hành vi, quyết định tố tụng, kết luận giám định và các lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong vụ án. Bị cáo không có ý kiến bào chữa và tranh luận gì đối với cáo buộc của Viện kiểm sát, bản thân đã thực sự nhận thức rõ tội lỗi và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về tội danh*: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong quá trình điều tra về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Đồng thời phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, các vật chứng đã thu giữ tại hiện trường, kết luận giám định về ma túy,

cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập theo trình tự luật định, phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 16/12/2017, tại khu vực tổ 3, phường L, TP P, tỉnh Hà Nam; Phạm Văn T đã bán trái phép 0,093 gam chất ma túy, loại Methamphetamine với giá 500.000đ cho Lê Thế A thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Hà Nam phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của Phạm Văn T đã phạm vào tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Quan điểm kết tội của Viện kiểm sát nhân dân TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đảm bảo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội.

[2] *Về hình phạt*: Hành vi phạm tội của Phạm Văn T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với chất ma tuý, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kỷ cương pháp luật và gây mất an ninh trật tự trên địa bàn TP Phủ Lý. Tội phạm mà bị cáo thực hiện đã tác động xấu đến cuộc sống con người, làm giảm sút sức lao động trong xã hội và gia tăng tỷ lệ người nghiện hút ma tuý trong cộng đồng, phát sinh nhiều tệ nạn và các loại tội phạm nguy hiểm khác tại địa phương, gây bất bình trong nhân dân.

- Về lý lịch: Bị cáo là người có nhân thân rất xấu, từ năm 2007 đến 2016 bản thân đã có 01 tiền án về tội "*Cố ý gây thương tích*" và 03 lần bị các cơ quan chức năng xử lý hành chính đều về các hành vi liên quan đến ma túy. Tuy nhiên, bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu sửa bản thân, mà lại luôn thể hiện lối sống ngoài vòng pháp luật, tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội với tính chất ngày càng nghiêm trọng hơn, làm xã hội mất ổn định.

Xét thấy: cần thiết phải xử lý nghiêm minh, áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định tương xứng với tội trạng, mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, cũng như đáp ứng công tác phòng ngừa tội phạm chung trong cộng đồng.

- Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong các giai đoạn tố tụng cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thể hiện thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân và

các tình tiết liên quan, đồng thời thể hiện sự ăn năn hối cải trước pháp luật, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

HĐXX sẽ cân nhắc các tình tiết nêu trên để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo sớm tái hòa nhập cộng đồng, đảm bảo đạt lý, thấu tình, cũng như thấy được chính sách nhân đạo và tính hướng thiện của pháp luật đối với người phạm tội.

[3] *Về hình phạt bổ sung*:

- Xét mục đích phạm tội của Phạm Văn T nhằm kiếm lời bất chính, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật đối với tội phạm nguy hiểm này, cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo Khoản 5- điều 194 và Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, cũng xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay của bị cáo để ấn định mức phạt tiền cho phù hợp, đảm bảo khả thi trong thi hành án dân sự.

[4] *Về xử lý vật chứng:*

- Toàn bộ số ma túy thu giữ trong vụ án, được Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam hoàn trả sau giám định, không còn giá trị sử dụng, nên phải tịch thu và tiêu huỷ.

- Đối với tổng số tiền 550.000 đ thu giữ của bị cáo tại hiện trường. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định: có 500.000đ là tiền bị cáo bán trái phép chất ma túy mà có nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước; Số tiền 50.000đ còn lại là tài sản hợp pháp của bị cáo do lao động mà có, không liên quan đến tội phạm, nên trả lại bị cáo (Tiếp tục thu giữ để đảm bảo thi hành án dân sự).

- Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS 90F5-3033 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung thu giữ của bị cáo, HĐXX xác định: đây là tài sản hợp pháp của bị cáo. Bị cáo đã dùng các tài sản này làm phương tiện để đi lại và liên lạc trong thực hiện tội phạm. Xét còn giá trị sử dụng, nên phải tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- 04 tờ vé xổ số lô tô Hà Nam thu giữ của Lê Thế A được lưu là tài liệu trong hồ sơ vụ án, nên HĐXX không đề cập.

[5] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử*: Đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý

kiến, khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong các giai đoạn tố tụng đã thực hiện và ban hành đều hợp pháp, tuân thủ các nguyên tắc tố tụng cũng như đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao theo quy định.

[6] *Về các vấn đề khác*:

- Đối với người phụ nữ tên N, Lê Thế A khai: có gọi điện thoại cho N để hỏi mua ma túy, nhưng chưa gặp N bao giờ; Phạm Văn T khai: N đã gọi điện cho T để T mang ma túy bán cho Thế A. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam đã phối hợp với Công an phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý xác minh và đã xác định: có người tên là Nguyễn Thị N, sinh năm 1978, trú tại: Tổ 4, phường L, TP P và đã triệu tập N lên làm việc nhưng N không thừa nhận lời khai trên của Lê Thế A và Phạm Văn T. Ngoài lời khai của T, không còn bất cứ tài liệu, chứng cứ khác chứng minh việc N gọi điện bảo T mang bán ma túy cho Thế A. Do vậy, chưa đủ căn cứ để xử lý đối với N trong vụ án này. Hiện Cơ quan điều tra Công an TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật. Xét thấy phù hợp nên HĐXX không đặt ra xem xét.

- Đối với Lê Thế A đã có hành vi mua 0,093 gam chất ma túy, loại Methamphetamine của Phạm Văn T, mục đích để sử dụng. Quá trình điều tra, xét yếu tố nhân thân, mục đích và trọng lượng ma túy đã mua, nên Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Hà Nam đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Lê Thế A theo Nghị định 167/2013/NĐ- CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ là phù hợp pháp luật, do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

- Đối với anh Nguyễn Thế O là người đã đi cùng Lê Thế A nhưng anh O không biết việc Thế A mua trái phép chất ma túy của T để sử dụng. Do vậy, xác định anh O không đồng phạm với Lê Thế A trong vụ án này là phù hợp pháp luật, HĐXX không đề cập.

[6] *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Bị cáo thực hiện theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Xử phạt: Phạm Văn T **36** (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2017.

[2] Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Quyết định tạm giam Phạm Văn T 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

[3] Áp dụng Điều 30; Khoản 5- điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999: phạt tiền bị cáo Phạm Văn T 3.000.000đ (ba triệu đồng) sung nộp ngân sách Nhà nước.

[4] Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- *Tịch thu và tiêu hủy*: 01 phong bì đã niêm phong, số 222/PC54-MT là mẫu vật hoàn trả QT04 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam.

- *Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước*: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, trong máy lắp 01 sim điện thoại Viettel; 01 xe máy nhãn hiệu SUZUKI, màu xanh, Biển kiểm soát: 90F5-3033; số máy: E435-VN108786; số khung: RLSBE4AA040108786; số tiền 500.000đ.

- *Trả lại cho Phạm Văn T:* số tiền 50.000đ (Tiếp tục thu giữ để đảm bảo thi hành án dân sự)

(*Các vật chứng có đặc điểm, tình trạng, số hiệu được ghi trong biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự TP Phủ Lý; số tiền hiện đang gửi giữ tại Ủy nhiệm chi số 29, trong tài khoản số 3949.0.9038561 của Chi cục thi hành án dân sự TP Phủ Lý lập ngày 02/3/2018 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Nam*)

[5] Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Phạm Văn T phải nộp 200.000đ.

- Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Tòa án ND tỉnh Hà Nam;*
- *Viện KSND TP Phủ Lý;*
- *Công an TP Phủ Lý;*
- *Chi cục THADS TP Phủ Lý;*
- *Bị cáo;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Văn An